

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THÔNG TƯ 23
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành: Ngôn ngữ Đức
Mã số: 7220205 CLC

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN, ngày tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Đức

Tiếng Anh: German

- Mã số ngành đào tạo: 7220205

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Đức (Chương trình chất lượng cao)

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in German (Honors Program)

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

2 Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Với triết lý giáo dục **tri nhận xã hội, lấy người học làm trung tâm, nâng cao năng lực tự chủ của người học**, CTĐT cử nhân CLC ngành Ngôn ngữ Đức thiết kế theo hướng ***học tập trải nghiệm sáng tạo, hướng dẫn người học phương pháp tự lĩnh hội tri thức và hoàn thiện kỹ năng thông qua các hoạt động trải nghiệm***. Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo cho xã hội những cử nhân sử dụng thành thạo cả hai ngoại ngữ Châu Âu đặc biệt quan trọng trên thế giới là tiếng Đức và tiếng Anh, có những năng lực cơ bản về biên phiên dịch, về kinh tế - du lịch, về văn hóa - xã hội. Cử nhân tốt nghiệp CTĐT này có những năng lực cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, kinh tế và du lịch. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

- Mục tiêu cụ thể:

CTĐT cử nhân CLC ngành Ngôn ngữ Đức tập trung vào 6 nhóm năng lực sau đây:

- **Năng lực thực hành tiếng Đức:** Có kiến thức tốt về tiếng Đức và sử dụng thành thạo tiếng Đức ở bậc 5 theo KNLNNVN (tương đương C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ), đặc biệt là sử dụng thành thạo tiếng Đức trong hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực kinh tế - du lịch.
- **Năng lực thực hành tiếng Anh:** Sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 theo KNLNNVN (tương đương C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ).
- **Năng lực về văn hoá - xã hội:** Hiểu biết tương đối sâu rộng về ngôn ngữ Đức, về đất nước, văn hóa, con người, xã hội Việt Nam và một số các quốc gia nói tiếng Đức. Có những hiểu biết nhất định về văn hóa cộng đồng Châu Á và Châu Âu, có năng lực giao tiếp liên văn hóa. Có khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức về văn hóa, xã hội và năng lực giao tiếp liên văn hóa vào cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.
- **Năng lực biên - phiên dịch:** Hiểu biết cơ bản về lý thuyết dịch, về phương pháp dịch thuật, có khả năng biên phiên dịch Đức - Việt, Việt - Đức, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế - du lịch; bước đầu có khả năng phiên dịch Việt - Anh, Anh - Việt và cần thiết có thể đảm nhiệm được những nhiệm vụ chuyển ngữ Đức - Anh, Anh - Đức.
- **Năng lực về kinh tế - du lịch:** Có những hiểu biết cơ bản và thực tế về lĩnh vực kinh tế - du lịch, có khả năng vận dụng sáng tạo những hiểu biết này vào công việc chuyên môn và phát triển bản thân.
- **Kĩ năng nghề nghiệp và kĩ năng bổ trợ:** Có những kĩ năng cần thiết để đáp ứng tốt yêu cầu trong hoạt động chuyên môn và phát triển bản thân như kĩ năng giao tiếp, giao tiếp liên văn hóa, kĩ năng tổ chức, kĩ năng lập kế hoạch, kĩ năng hợp tác, kĩ năng tư duy phản biện, năng lực nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề, khả năng linh hoạt, thích ứng cao trong môi trường sống và làm việc cạnh tranh đa văn hóa.

3 Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** thi tuyển, xét tuyển theo Đề án tuyển sinh được Bộ GDĐT và ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.

- **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước, đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo theo các tổ hợp xét tuyển Trường đã công bố.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Chuẩn đầu ra về kiến thức

Hoàn thành CTĐT, SV có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về ngôn ngữ Đức và có những kiến thức sâu rộng về văn hóa các quốc gia nói tiếng Đức, đặc biệt là về văn hóa Đức, nắm vững những kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội để lĩnh hội kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn phục vụ nhu cầu cá nhân và xã hội; có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế quản lý, điều hành và tác nghiệp liên quan đến lĩnh vực được đào tạo. Sau khi kết thúc CTĐT, người học đạt được những kiến thức, năng lực cụ thể như sau:

(1) Vận dụng được cơ bản những kiến thức chung về phương pháp luận, có nhân sinh quan, thế giới quan phù hợp và vận dụng được lý luận vào việc phân tích, lý giải những hiện tượng trong thực tiễn.

(2) Vận dụng được những kiến thức cơ bản về thông tin và mạng truyền thông vào học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.

(3) Sử dụng thành thạo hai ngoại ngữ là tiếng Đức và tiếng Anh ở bậc 5 theo KNLNNVN (tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ).

(4) Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao để rèn luyện tăng cường sức khỏe và tham gia các hoạt động thể thao cộng đồng.

(5) Hiểu và giải thích được một cách cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng-an ninh của Nhà nước trong tình hình mới.

(6) Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế để phân tích, lý giải những hiện tượng, giải pháp trong hoạt động chuyên môn.

(7) Vận dụng được những kiến thức cơ bản theo lĩnh vực như địa chính trị, môi trường phát triển, những kiến thức về văn hóa, xã hội để phân tích, lý giải những hiện tượng, giải pháp trong đời sống và hoạt động chuyên môn.

(8) Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

(9) Vận dụng được những kiến thức cơ bản theo khối ngành liên quan đến tiếng Đức, tiếng Việt, văn hóa Đức, văn hóa Việt Nam, v.v. để phân tích, lý giải những hiện tượng khác biệt trong bối cảnh giao tiếp liên văn hoá.

(10) Vận dụng được những kiến thức cơ bản theo nhóm ngành như ngữ âm học, âm vị học, hình thái học tiếng Đức, v.v. để phân tích, lý giải và đánh giá những vấn đề, hiện tượng, sự việc trong học tập, nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.

(11) Vận dụng được những kiến thức về văn hóa, xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của một số quốc gia nói tiếng Đức để so sánh, phân loại và lý giải những khác biệt trong môi trường giao tiếp liên văn hóa.

(12) Vận dụng thành thạo được những kiến thức cơ bản về lý thuyết và nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch nhằm phân tích tình huống dịch thuật, xác định được yêu cầu dịch thuật và đề xuất được những phương án dịch phù hợp.

(13) Vận dụng được những kiến thức về kinh tế - du lịch, về quản trị doanh nghiệp, về giao tiếp trong kinh doanh để phân tích, xử lý và đánh giá các vấn đề thực tiễn và giải pháp trong công việc.

Kiến thức người học đạt được được thể hiện theo các khối kiến thức trong CTĐT như sau:

1.1 Kiến thức chung

- Người học có khả năng đưa ra nhận định và phán quyết của bản thân về hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Có kiến thức tổng hợp cơ bản và mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng;

- Xác định được các nguyên tắc, cấu trúc của các kiến thức tin học nâng cao, đánh giá được các cách sử dụng và khai thác công nghệ thông tin tiên tiến nhằm phục vụ công việc và các tính toán thống kê đơn giản;

- Vận dụng sáng tạo những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng

chấn thương. Đánh giá được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu trong các hoạt động thể thao cộng đồng;

- Hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.2 Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống;

- Hiểu các kiến thức cơ bản theo lĩnh vực như địa chính trị, môi trường phát triển, có vốn hiểu biết tốt về cộng đồng Châu Á và biết áp dụng các kiến thức đó trong học tập, nghiên cứu cũng như trong đời sống.

1.3 Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;

- Hiểu các kiến thức cơ bản theo khối ngành liên quan đến tiếng Đức, tiếng Việt, văn hóa Đức, văn hóa Việt Nam và vận dụng vào học tập, nghiên cứu cũng như công việc chuyên môn.

1.4 Kiến thức theo nhóm ngành

- Hiểu những kiến thức cơ bản theo nhóm ngành như ngữ âm học, âm vị học, hình thái học tiếng Đức, v.v. và vận dụng những kiến thức đó trong học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

- Hiểu được các kiến thức về văn hóa, xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của các quốc gia nói tiếng Đức, vận dụng những kiến thức đó trong môi trường giao tiếp liên văn hóa nói chung và đặc biệt là trong giao tiếp với các thành viên thuộc cộng đồng các quốc gia nói tiếng Đức;

- Sử dụng thành thạo tiếng Đức ở trình độ bậc 5 theo KNLNNVN (với các học phần thực hành tiếng nâng cao hơn so với CTĐT chuẩn).

1.5 Kiến thức ngành

- Vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực hành nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch phục vụ công tác biên, phiên dịch trong công việc chuyên môn, đặc biệt là các công việc trong

lĩnh vực kinh tế - du lịch của Đức hoặc của các quốc gia nói tiếng Đức khác như Áo, Thụy Sĩ;

- Vận dụng các kiến thức về kinh tế - du lịch, về quản trị doanh nghiệp, về giao tiếp trong kinh doanh để phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc; bước đầu hình thành các ý tưởng, xây dựng, tham gia, thực hiện các phương án, dự án trong lĩnh vực kinh tế - du lịch;

- Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng tích lũy được trong quá trình thực tế và thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp của các quốc gia nói tiếng Đức tại Việt Nam hoặc tại các doanh nghiệp Việt Nam có sử dụng tiếng Đức để làm việc có hiệu quả trong môi trường cạnh tranh đa văn hóa.

2 Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1 Kỹ năng chuyên môn

2.1.1 Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực sử dụng chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh và tiếng Đức; có khả năng diễn đạt vấn đề ở hình thức nói và viết một cách rõ ràng, trong sáng, dễ hiểu, phù hợp về văn phong;

- Có kỹ năng về dịch, về kinh tế và về du lịch. Có khả năng biên tập tốt;

- Có khả năng quản lý thời gian;

- Có khả năng tập trung cao độ, biết vượt qua các áp lực về tâm lý, thời gian, khối lượng công việc;

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân;

- Có khả năng áp dụng kiến thức rộng kết hợp sâu sắc những khái niệm lý thuyết;

- Có khả năng áp dụng những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau;

- Có khả năng thường xuyên đưa ra những đánh giá, phán đoán có giá trị;

- Có kỹ năng thích ứng, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích và tổng hợp.
- Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi
- Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và có giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Có khả năng chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lí luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Hiểu quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Hiểu rõ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và cống hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội;
- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội.

2.1.3 Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng đưa ra các giả thiết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thiết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

2.1.4 Khả năng tư duy theo hệ thống

- Tư duy logic và có hệ thống khi tiếp cận, xử lí các vấn đề chuyên môn về ngôn ngữ văn hóa Đức, dịch thuật Việt-Đức và các vấn đề liên quan đến kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.

2.1.5 Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Có năng lực nhận thức xã hội, khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

2.1.6 Bối cảnh tổ chức

- Hiểu rõ chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của đơn vị để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của đơn vị trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

2.1.7 Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; khuyến khích sáng tạo và tự tin khi làm công tác dịch thuật, vận dụng các chiến lược, khả năng quyết định mức độ tin cậy dựa theo công việc biên dịch và chức năng văn bản, học cách đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, kỹ năng tự đánh giá và đánh giá chéo;

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc;

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế sử dụng các thông tin thu được vào công việc.

2.1.8 Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế. Có khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.2 Kỹ năng bổ trợ

2.2.1 Các kỹ năng cá nhân

- Có kỹ năng quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2 Làm việc theo nhóm

- Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3 *Quản lí và lãnh đạo*

- Có khả năng lãnh đạo, quản lí những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.4 *Kỹ năng giao tiếp*

- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết;

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.5 *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kỹ năng giao tiếp thành thạo hai ngoại ngữ là tiếng Đức và tiếng Anh; có kỹ năng giao tiếp tự tin, hiệu quả bằng các hình thức khác nhau, có khả năng áp dụng những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, văn hóa trong giao tiếp xã hội và hoạt động chuyên môn.

2.2.6 *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Có kỹ năng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn (EView, SPSS...); thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu;

- Các kỹ năng máy tính cần thiết: làm quen với vị trí làm việc của người phiên dịch, dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người, học từ các nguồn điện tử: dữ liệu và tiếp cận tới các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

3 **Phẩm chất đạo đức**

3.1 *Phẩm chất đạo đức cá nhân*

- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân đúng đắn như yêu nước, tự hào dân tộc, có phong cách và lối sống lành mạnh, tự tin, dám đương đầu với rủi ro, dám hy sinh phấn đấu cho lý tưởng, có tinh thần cầu thị, có chí tiến thủ, v.v.;

- Các phẩm chất đạo đức cá nhân cốt lõi của SV sau tốt nghiệp gồm:

+ **Nhân ái:** Biết khoan dung, cảm thông, chia sẻ.

+ **Trung thực:** Chân thật, ngay thẳng ở cả lời nói và hành động; nói đi đôi với làm; thông tin đầy đủ, rõ ràng, minh bạch cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng.

+ **Tự tin:** Hiểu rõ năng lực bản thân, dám đương đầu với rủi ro, quyết tâm hành động dù có lúc hoàn cảnh không thực sự thuận lợi; kiên trì, nhẫn nại; biết kiềm chế cảm xúc trong thực hiện công vụ; luôn có ý thức học hỏi, có khát vọng vươn lên, có ý thức thường xuyên trau dồi phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn.

+ **Năng động:** Nhiệt tình, chủ động, say mê sáng tạo trong công việc và trong cuộc sống; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc; khi cần thiết thì dám hy sinh quyền lợi cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2 Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp như kỷ luật, kiên trì, trung thực, công bằng, minh bạch, có tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn đối với khách hàng, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, cộng tác để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

3.3 Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có trách nhiệm với xã hội, đất nước, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức xã hội, có tư cách, lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc.

4 Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

5 Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Biên dịch viên, phiên dịch viên, biên tập viên tại các nhà xuất bản có ấn phẩm tiếng Đức, tiếng Anh hoặc làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức nhà nước hoặc tư nhân trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội khác nhau có sử dụng tiếng Đức và/hoặc tiếng Anh.

Nhóm 2: Thư ký văn phòng/ trợ lý đối ngoại/ nhân viên dự án/ trợ lý kinh doanh, phụ trách đối ngoại, phòng kinh doanh và dịch vụ khách hàng, điều phối viên dự án ở các tổ chức có sử dụng tiếng Đức và/hoặc tiếng Anh, v.v.

Nhóm 3: Hướng dẫn viên/ điều hành, quản lý du lịch, v.v.

Nhóm 4: Sinh viên tốt nghiệp có thể làm nghiên cứu viên trong các trung tâm nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ hoặc tiếp tục nghiên cứu ngôn ngữ Đức và học lên trình độ cao học cùng hoặc gần chuyên ngành.

6 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên có khả năng tự học để nâng cao trình độ về những vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến ngành Ngôn ngữ Đức.

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc cao hơn (ví dụ học thạc sĩ, tiến sĩ) trong lĩnh vực ngôn ngữ học, văn hóa, kinh tế, v.v.

Có thể khái quát chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ, vị trí việc làm của CTĐT CLC ngành Ngôn ngữ Đức như sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
1	Về kiến thức
1.1	Vận dụng được cơ bản những kiến thức chung về phương pháp luận, có nhân sinh quan, thế giới quan phù hợp và vận dụng được lý luận vào thực tiễn.
1.2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về thông tin và mạng truyền thông vào học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.
1.3	Sử dụng thành thạo hai ngoại ngữ là tiếng Đức và tiếng Anh ở bậc 5 theo KNLNNVN (tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ).
1.4	Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao để rèn luyện tăng cường sức khỏe và tham gia các hoạt động thể thao cộng đồng.
1.5	Hiểu và giải thích được một cách cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng-an ninh của Nhà nước trong tình hình mới.
1.6	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế trong hoạt động chuyên môn.
1.7	Vận dụng được những kiến thức cơ bản theo lĩnh vực như địa chính trị, môi trường phát triển, những kiến thức về văn hóa, xã hội trong đời sống và hoạt động chuyên môn.

Mã CDR	Nội dung CDR
1.8	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.
1.9	Vận dụng được những kiến thức cơ bản theo khối ngành liên quan đến tiếng Đức, tiếng Việt, văn hóa Đức, văn hóa Việt Nam, v.v. vào giao tiếp xã hội và hoạt động chuyên môn.
1.10	Vận dụng được những kiến thức cơ bản theo nhóm ngành như ngữ âm học, âm vị học, hình thái học tiếng Đức, v.v. vào học tập, nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.
1.11	Vận dụng được những kiến thức về văn hóa, xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của một số quốc gia nói tiếng Đức trong môi trường giao tiếp liên văn hóa.
1.12	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý thuyết và nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch phục vụ công tác biên, phiên dịch trong những lĩnh vực như văn hóa, xã hội, kinh tế, du lịch, v.v.
1.13	Vận dụng được những kiến thức về kinh tế - du lịch, về quản trị doanh nghiệp, về giao tiếp trong kinh doanh để phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong công việc.
2	Về kĩ năng
2.1	Có kĩ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành đào tạo vào những bối cảnh khác nhau, có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và xử lý dữ liệu, kĩ năng xây dựng kế hoạch, kĩ năng tổ chức thực hiện và năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
2.2	Có kĩ năng quản lý thời gian, kĩ năng thích ứng, kĩ năng học tập và tự học, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức lĩnh hội được và những kĩ năng chuyên môn vào những tình huống khác nhau trong thực tiễn nghề nghiệp.
2.3	Có khả năng lập luận, tư duy phê phán và giải quyết vấn đề dựa vào việc vận dụng hợp lý phương pháp luận phù hợp trên cơ sở nắm bắt được quy luật khách quan, xu thế thời đại, thực tiễn đất nước, quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mã CDR	Nội dung CDR
2.4	Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, biết cách thu thập và xử lý thông tin; có khả năng tư duy logic, hệ thống, v.v. để nhận diện, tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác; có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi của ngoại cảnh như bối cảnh tổ chức, bối cảnh kinh tế, xã hội trong và ngoài nước.
2.5	Có khả năng vận dụng sáng tạo, linh hoạt các kiến thức, kỹ năng vào hoạt động nghề nghiệp, vào phân tích tình hình, nhận diện vấn đề và xử lý những vấn đề nảy sinh trong hoạt động thực tiễn và thúc đẩy sự thay đổi trong nghề nghiệp.
2.6	Có kỹ năng quản lý thời gian, huy động nguồn lực, áp dụng công nghệ thông tin và khai thác hiệu quả các kênh thông tin khác nhau vào hoạt động thực tiễn; có kỹ năng tự đánh giá kết quả công việc, tự đề ra mục tiêu để phấn đấu vươn lên và phát triển nghề nghiệp; linh hoạt, có khả năng và phương pháp để thích ứng nhanh với thực tiễn khách quan.
2.7	Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hợp tác, cộng tác, đồng thời thể hiện khả năng điều phối, lãnh đạo (như quản lý, phân công nhiệm vụ, điều tiết sự phối hợp trong nhóm, v.v.), có tác phong làm việc khoa học, hiện đại.
2.8	Sử dụng hiệu quả các chiến lược giao tiếp trong giao tiếp xã hội, trao đổi học thuật và hoạt động chuyên môn.
3	Phẩm chất thái độ
3.1	Có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, có phong cách và lối sống lành mạnh, tự tin, dám đương đầu với rủi ro, khi cần thiết thì dám hy sinh phấn đấu cho lý tưởng, có tinh thần cầu thị, có chí tiến thủ, v.v.
3.2	Có tinh thần kỷ luật, kiên trì, trung thực, công bằng, minh bạch, có tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, có thái độ đúng đắn đối với khách hàng, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, cộng tác để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.
3.3	Có trách nhiệm với xã hội, đất nước, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức xã hội, có tư cách, lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc.
	Tổng hợp các phẩm chất của SV sau tốt nghiệp: Nhân ái – Trung thực – Tự tin – Năng động

Mã CDR	Nội dung CDR
4	Vị trí việc làm
4.1	Biên dịch viên; Phiên dịch viên; Biên tập viên
4.2	Thư ký văn phòng; Trợ lý kinh doanh; Điều phối dự án
4.3	Điều hành/quản lý du lịch; Hướng dẫn du lịch
4.4	Nghiên cứu viên, giáo viên tiếng Đức

PHẦN III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	152 tín chỉ
Khối kiến thức chung:	21 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)</i>	
Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	12 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	06 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i>	6/12 tín chỉ
Khối kiến thức chung cho khối ngành:	14 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	10 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	4/16 tín chỉ
Khối kiến thức chung cho nhóm ngành:	57 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	51 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	06/27 tín chỉ
Khối kiến thức ngành:	48 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	24 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	12/54 tín chỉ
+ <i>Kiến tập:</i>	02 tín chỉ
+ <i>Thực tập:</i>	03 tín chỉ
+ <i>Khoá luận tốt nghiệp:</i>	07 tín chỉ

2 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính các học phần 8-9)	21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15		
2	PHI1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	20	10		
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	20	10		
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	20	10		
6	FLF1107*	Tiếng Anh chất lượng cao 1 <i>English Fast-track 1</i>	5	30	75	15	
7	FLF1108***	Tiếng Anh chất lượng cao 2 <i>English Fast-track 2</i>	5	40	100	10	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	12				
II.1		Bắt buộc	6				
10	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc đại học	3	27	15	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Skills for University Success</i>					
11	INE2020	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	27	15	3	
II.2		Tự chọn	6/12				
12	GER2001***	Địa chính trị <i>Geo-politics</i>	3	27	15	3	GER4029*
13	GER1002	Môi trường và Phát triển <i>Environment and Development</i>	3	27	15	3	GER4026*
14	FLF1005***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á <i>Understanding Asian Community</i>	3	27	15	3	
15	FLF1007	Công nghệ thông tin và truyền thông <i>Information and Communications Technology</i>	3	27	15	3	
III		Khối kiến thức theo khối ngành	14				
III.1		Bắt buộc	10				
16	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	3	30	10	5	
17	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học <i>Introduction to Vietnamese Linguistics</i>	3	30	10	5	
18	FLF1003	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	2	15	13	2	
19	FLF1006***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu <i>Understanding European Community</i>	2	15	13	2	
III.2		Tự chọn	4/16				
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15	15		

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Statistics for Social Sciences</i>					
21	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN <i>Introduction to ASEAN-Cultures</i>	2	20	8	2	
22	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methodology</i>	2	15	13	2	
23	VLF1053	Tiếng Việt thực hành <i>Practical Vietnamese</i>	2	20	6	4	
24	PHI1051	Logic học đại cương <i>General Logics</i>	2	20	6	4	
25	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật <i>Artistry</i>	2	20	10		
26	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>History of World Civilization</i>	2	22	7	1	
27	PSF3002	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	2	20	8	2	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	57				
<i>IV.1</i>		<i>Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa</i>	<i>18</i>				
<i>IV.1.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>12</i>				
28	GER2041	Ngôn ngữ học Đức 1 <i>German Linguistics 1</i>	3	27	15	3	GER4029*
29	GER2042	Ngôn ngữ học Đức 2 <i>German Linguistics 2</i>	3	27	15	3	GER4029*
30	GER2039	Đất nước học Đức <i>German Country Studies</i>	3	27	15	3	GER4029*
31	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural Communication</i>	3	27	15	3	GER4029*
<i>IV.1.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>6/27</i>				

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
32	GER2002***	Ngôn ngữ học xã hội <i>Social Linguistics</i>	3	27	15	3	GER4029*
33	GER2055*	Văn học Đức 1 <i>German Literature</i>	3	27	15	3	GER4029*
34	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ <i>Austrian-Swiss Country Studies</i>	3	27	15	3	GER4029*
35	ENG2044***	Văn minh Phương Tây <i>Western Civilization</i>	3	27	15	3	FLF1108***
36	ENG2045***	Văn hóa và Chính trị trong kinh doanh <i>Culture and Politics in Business</i>	3	27	15	3	FLF1108***
37	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột <i>Intercultural Communication and Conflict Resolution</i>	3	10	30	5	
38	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình <i>Presentation Skills</i>	3	10	30	5	
39	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp <i>English for Business and Entrepreneurship</i>	3	10	30	5	
40	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp <i>English for Career Development</i>	3	10	30	5	
IV.2		Khối kiến thức tiếng	39				
41	GER4021*	Tiếng Đức 1A <i>German 1A</i>	4	32	80	8	
42	GER4022*	Tiếng Đức 1B <i>German 1B</i>	4	32	80	8	GER4021*

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
43	GER4023*	Tiếng Đức 2A <i>German 2A</i>	4	32	80	8	GER4022*
44	GER4024*	Tiếng Đức 2B <i>German 2B</i>	4	32	80	8	GER4023*
45	GER4025*	Tiếng Đức 3A <i>German 3A</i>	4	32	80	8	GER4024*
46	GER4026*	Tiếng Đức 3B <i>German 3B</i>	4	32	80	8	GER4025*
47	GER4028*	Tiếng Đức 4A <i>German 4A</i>	4	32	80	8	GER4026*
48	GER4029*	Tiếng Đức 4B <i>German 4B</i>	4	32	80	8	GER4028*
49	GER4027**	Tiếng Đức 3C <i>German 3C</i>	2	5	20	5	GER4026*
50	GER4030**	Tiếng Đức 4C <i>German 4C</i>	2	5	20	5	GER4029*
51	GER2003***	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng <i>Public Speaking</i>	3	54	30	6	GER4029*
V		Khối kiến thức ngành	48				
V.1		Bắt buộc	24				
52	GER3001***	Lý thuyết và nghiệp vụ biên - phiên dịch <i>Theories and Professional Skills for Translators and Interpreters</i>	3	27	15	3	GER4029*
53	GER3029	Phiên dịch <i>Interpretation German – Vietnamese</i>	3	12	30	3	GER3001**
54	GER3016	Biên dịch <i>Translation German – Vietnamese</i>	3	12	30	3	GER3001**
55	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	27	15	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Introduction to Administration Studies</i>					
56	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch <i>Introduction to Tourism Science</i>	3	27	15	3	
57	GER3004	Kinh tế du lịch <i>Tourism Economics</i>	3	27	15	3	
58	FLF1009***	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp <i>Innovative and Entrepreneurial Mindset</i>	3	20	20	5	
59	GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao <i>Communication and Diplomatic Reception Etiquette</i>	3	27	15	3	
V.2		Tự chọn	12				
V.2.1		<i>Chuyên sâu</i>	6/33				
60	GER3018	Biên dịch nâng cao <i>Advanced Translation</i>	3	15	27	3	GER4029*
61	GER3031	Phiên dịch nâng cao <i>Advanced Interpretation</i>	3	15	27	3	GER4029*
62	GER3017	Biên dịch chuyên ngành <i>Translation for Specific Purposes</i>	3	15	27	3	GER4029*
63	GER3030	Phiên dịch chuyên ngành <i>Interpretation for Specific Purposes</i>	3	15	27	3	GER4029*
64	GER3028	Phân tích đánh giá bản dịch <i>Translation Analysis and Assessment</i>	3	15	27	3	GER3001* **
65	GER3003***	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Communication in Business</i>	3	15	27	3	GER4029*
66	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	15	27	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
67	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn <i>Hospitality Business Administration</i>	3	15	27	3	
68	TOU2009	Quản trị kinh doanh lữ hành <i>Travel Business Management</i>	3	15	27	3	
69	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>An Introduction to Marketing</i>	3	15	27	3	
70	GER3025	Kinh tế Đức <i>German Economics</i>	3	15	27	3	GER4029*
V.2.2		<i>Bổ trợ</i>	6/21				
71	GER3042	Tiếng Đức kinh tế <i>German for Economics</i>	3	15	27	3	GER4029*
72	GER3039	Tiếng Đức tài chính - ngân hàng <i>German for Finance and Banking</i>	3	15	27	3	GER4029*
73	GER3038	Tiếng Đức du lịch <i>German for Tourism</i>	3	15	27	3	GER4029*
74	GER3040***	Tiếng Đức thương mại <i>German for Business</i>	3	15	27	3	GER4029*
75	GER3046***	Tiếng Đức luật pháp <i>German for Law</i>	3	15	27	3	GER4029*
76	ENG3085***	Biên dịch Anh-Việt <i>English - Vietnamese Translation</i>	3	15	27	3	
77	ENG3086***	Phiên dịch Anh-Việt <i>Interpretation English – Vietnamese</i>	3	15	27	3	
V.3		Kiến tập - Thực tập - Khóa luận tốt nghiệp	12				
78	GER4050***	Kiến tập <i>Observation</i>	2				

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số giờ tín chỉ			HP học trước
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
79	GER4001	Thực tập <i>Internship</i>	3				
80	GER4051**	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation paper</i>	7				
		Tổng cộng	152				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

(*): Cùng tên học phần, cùng số tín chỉ nhưng nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao;

(**): Cùng tên học phần nhưng khác số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra được nâng cao;

(***): Học phần mới nhằm đạt chuẩn cao hơn của CTĐT.

Các học phần nâng cao này được tổ chức giảng dạy riêng.